

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHƯỚC LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: **10/2020/HNGĐ-ST**

Ngày 25 – 12 – 2020

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Ánh Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Quý
2. Ông Nguyễn Văn Ngàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Vui – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Phúc Vinh – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 25/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2020 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2020/QĐXX - ST ngày 23 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2020/QĐST – HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Ung Thị Diệu L, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn B, xã T, Hện Phú Riêng, tỉnh Bình Phước. (Vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Huỳnh Anh H, sinh năm 1992

Địa chỉ: Khu phố 2, phường M, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 03/9/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị L trình bày:

Chị và anh H sau thời gian tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình T, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước vào ngày 04/5/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau nên thường xuyên cãi vã. Cả hai đã tự hòa giải nhiều lần nhưng tình trạng hôn nhân vẫn không thay đổi. Hai vợ chồng đã tự sống ly thân gần 03 năm nay, ai cũng có cuộc sống riêng, không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị L nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể kéo dài cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Phước Long giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Chị và anh H có một người con chung tên Huỳnh Minh H1, sinh ngày 03/5/2017. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Huỳnh Anh H được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày của anh H.

Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần thực hiện nguyên tắc xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật. Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn theo quy định.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 53, 56, 57; 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Ung Thị Diệu L khởi kiện yêu cầu “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” với anh Huỳnh Anh H đang cư trú tại khu phố 2, phường M, thị xã Phước Long, tỉnh Bình

Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 04/5/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Bình T, huyện Phú Riềng tỉnh Bình Phước, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 22. Do vậy, hôn nhân giữa chị L và anh H là hợp pháp.

Về tình trạng hôn nhân của chị L và anh H: Chị L trình bày vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã. và đã tự sống ly thân cho đến nay, ai cũng có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Qua xác minh tại địa phương (BL 22) xác nhận do mâu thuẫn nên chị L và anh H đã sống ly thân 03 năm nay; Mặt khác, bị đơn biết nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn không đến tham gia các buổi làm việc cũng như hòa giải, từ đó có thể thấy bị đơn không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy, mâu thuẫn giữa chị L và anh H đã lâm vào trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, cần chấp nhận cho chị L được ly hôn với anh H.

[2.2] Xét yêu cầu xin trực tiếp nuôi con chung của chị L: Xét thấy, từ khi sống ly thân cháu H1 do chị L trực tiếp nuôi dưỡng nhưng cháu vẫn được chăm sóc tốt. Qua xác minh tại địa phương thì anh H không có nghề nghiệp ổn định. Để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị L, giao cháu Huỳnh Minh H1, sinh ngày 03/5/2017 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi. Anh H không trực tiếp nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Ung Thị Diệu L được ly hôn với anh Huỳnh Anh H.

2. Về con chung: Giao con chung tên Huỳnh Minh H1, sinh ngày 03/5/2017 cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Anh H không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi người có yêu cầu được quy định tại Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi về việc cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch: Chị L phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo Biên lai thu số 0007xxx ngày 16/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
 - VKSND thị xã Phước Long;
 - UBND xã Bình Tân, H. Phú Riềng, T. Bình Phước;
- (số 22 ngày 04/5/2016);
- Các Đương sự;
 - Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Trần Ánh Nguyệt